

Chánh Nghĩa, ngày 25 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm học 2024-2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Chánh Nghĩa

2. Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ: Khu 5, Phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0274.3.818.531

- Địa chỉ thư điện tử: th-chanhnghia@tptdm.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <http://thchanhnghia.tptdm.edu.vn>

3. Loại hình hoạt động: Trường Tiểu học công lập do nhà nước đầu tư, đảm bảo điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu.

- Cơ quan quản lý: UBND thành phố Thủ Dầu Một.

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

4.1 Sứ mạng

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

4.2 Tầm nhìn

Trường Tiểu học Chánh Nghĩa là một ngôi trường có chất lượng cao, an toàn, thân thiện, uy tín. Nơi khởi đầu tình yêu thương, là môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; đào tạo ra những học sinh tốt về đạo đức, giỏi về trí lực, mạnh khỏe về thể chất, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên các lớp trên; là nơi học sinh có thể tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện và là nơi để giáo viên luôn có khát vọng vươn lên.

4.3 Mục tiêu

- Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định “Phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người.

Đây là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, trong đó nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng nòng cốt và có vai trò quan trọng”.

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến thấm nhuần giá trị nhân văn, gìn giữ bản sắc dân tộc, phát triển phù hợp với xu thế chung của đất nước và thời đại.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Tiếp tục tổ chức thực hiện các chủ đề năm học của ngành và các cuộc vận động lớn của Đảng, của Ngành. Vận động toàn thể đội ngũ sư phạm, học sinh và phụ huynh học sinh nói và làm theo Nghị quyết của Đảng, theo pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thể hiện tính nhân văn bằng những hình thức thu hút thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các tiết học ngoài trời, viếng thăm các địa chỉ đỏ, tổ chức các hoạt động từ thiện...

- Cải tiến công tác quản lý, đẩy mạnh công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy. Quản lý phải đảm bảo tính dân chủ, khoa học, mang lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên.

- Phối hợp tốt ba môi trường giáo dục “Nhà trường - Gia đình - Xã hội” trong công tác truyền thông nhằm giúp học sinh có ý thức bảo vệ bản thân, rèn luyện thân thể để có sức khỏe tốt.

- Tăng cường trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học theo hướng đổi mới phương pháp nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình thành lập và phát triển

- Trường Tiểu học Chánh Nghĩa nằm trên địa bàn Khu phố 5, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Trường Tiểu học Chánh Nghĩa trước đây có tên là Trường Tiểu học Chánh Nghĩa A. Năm 1998, được đổi tên là Trường tiểu học Chánh Nghĩa theo Quyết định 83/1998/QĐ.UB của UBND Thị xã Thủ Dầu Một ngày 9/9/1998.

- Tháng 01/2019, trường Tiểu học Chánh Nghĩa được di dời từ cơ sở cũ (Khu 4, phường Chánh Nghĩa) qua cơ sở mới (Khu 5, phường Chánh Nghĩa) và sáp nhập trường Tiểu học Bùi Quốc Khánh vào trường Tiểu học Chánh Nghĩa với tên gọi sau khi sáp nhập là trường Tiểu học Chánh Nghĩa theo QĐ số 28/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Trường Tiểu học Chánh Nghĩa trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, chất lượng giáo dục của nhà trường đã từng bước đi lên, đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân phường Chánh Nghĩa nói riêng và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Thành phố Thủ Dầu Một nói chung.

- Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ CB-GV-NV và học sinh chất lượng nhà trường ngày càng phát triển. Nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1606/QĐ-SGDĐT ngày 20/10/2021

của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương; đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND tỉnh Bình Dương. Cũng trong năm học 2020-2021 nhà trường được UBND tỉnh Bình Dương công nhận là tập thể lao động xuất sắc. Từ đó đến nay, hàng năm trường đều đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc; 2 lần được nhận cờ thi đua và 1 lần nhận Bằng khen của UBND tỉnh Bình Dương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Người đại diện pháp luật: ông Phạm Văn Xuân
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Khu 5, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0856.585.478
- Địa chỉ thư điện tử: phvxuan@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập:

- Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường:

- a. Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc công nhận Hội đồng Trường Tiểu học Chánh Nghĩa nhiệm kỳ 2024-2028.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ CHÍNH QUYỀN	CHỨC DANH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
1	Phạm Văn Xuân	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Phan Thị Thanh Loan	P. Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Lê Thị Thu Hồng	Giáo viên	Thư ký
4	Trương Lê Ngọc Diễm Châu	P. Hiệu trưởng	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CT. CĐCS	Thành viên
6	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	BT Chi đoàn	Thành viên
7	Nguyễn Trọng Dũng	TPT Đội	Thành viên
8	Nguyễn Thanh Thảo	Giáo viên	Thành viên
9	Lý Quốc Khánh	Giáo viên	Thành viên
10	Bùi Thị Thanh Tuyền	CCVHXXH phường Chánh Nghĩa	Thành viên
11	Trần Thị Ngọc Diễm	Trưởng BDD CMHS trường TH Chánh Nghĩa	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Quyết định bổ nhiệm Ông Phạm Văn Xuân - Hiệu trưởng: Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ngành giáo dục và đào tạo thành phố Thủ Dầu Một năm học 2023-2024.

Quyết định bổ nhiệm Bà Trương Lê Ngọc Diễm Châu - Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ngành giáo dục và đào tạo thành phố Thủ Dầu Một năm học 2023-2024.

Quyết định bổ nhiệm Bà Phan Thị Thanh Loan-Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 quyết định của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ngành giáo dục và đào tạo thành phố Thủ Dầu Một năm học 2023-2024.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động:

a. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng nhiệm vụ của nhà trường.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành điều lệ trường tiểu học.

- Chức năng: Trường Tiểu học Chánh Nghĩa là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

b. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn trường được phân công phụ trách...

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

c. Cơ cấu tổ chức:

- Hội đồng trường có 11 thành viên.
- Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng gồm 26 Đảng viên
- Chi Đoàn gồm có 12 đoàn viên.
- Có tổ chức Đội TNTP.
- Về chuyên môn: Có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản ban hành kèm theo quyết định số 260/QĐ-THCN ngày 30/12/2020 của trường Tiểu học Chánh Nghĩa.
- Kế hoạch số 222/KH-THCN ngày 01/12/2020 của trường Tiểu học Chánh Nghĩa về Chiến lược phát triển trường Tiểu học Chánh Nghĩa giai đoạn 2021-2025.
- Nghị quyết Hội đồng trường số 235/NQ-THCN ngày 14/09/2024 của Hội đồng trường Tiểu học Chánh Nghĩa.
- Quyết định số 09/QĐ-THCN ngày 14/01/2025 của trường Tiểu học Chánh Nghĩa về Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường Tiểu học Chánh Nghĩa năm 2025.
- Quyết định số 462/QĐ-THCN ngày 30/10/2024 của trường Tiểu học Chánh Nghĩa về Ban hành quy chế làm việc của trường Tiểu học Chánh Nghĩa.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
				ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt
Tổng số GV,CBQL,NV		60	47	46	9		5	19	33		45	6	
I	Giáo viên	48	40	41	7			17	31		42	6	
II	Cán bộ quản lý	3	2	3				2	1		3		
1	Hiệu trưởng	1	0	1				1			1		
2	Phó Hiệu trưởng	2	2	2				1	1		2		
III	Nhân viên	9	5	2	2		5						
1	Văn thư	1		1									
2	Kế toán	1	1	1									
3	Y tế	0											
4	Thiết bị và công nghệ	1	1		1								
5	Thư viện	1	1		1								
6	Bảo vệ, phục vụ	5	2				5						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có tổng diện tích khuôn viên rộng 8.188,26m², với kết cấu xây dựng 4 tầng. Trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, số lượng phòng học là 33 phòng học, 05 phòng chức năng (Mỹ thuật, Anh văn, 2 phòng Tin học, Hát nhạc) và một số phòng làm việc phục vụ hành chánh; Trang thiết bị bên trong phòng học, phòng làm việc được trang bị đầy đủ theo quy định; Một bếp ăn, nhà ăn tập thể phục vụ cho học sinh bán trú. Ngoài ra, các công trình vệ sinh, nhà giữ xe học sinh, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, xử lý rác cũng đảm bảo theo yêu cầu tiêu chuẩn. Có các bảng nội quy sử dụng điện, phòng cháy, chữa cháy và có bình chữa cháy. Trường có khuôn viên, sân chơi, bãi tập đầy đủ, các thiết bị dạy học được cấp đầy đủ đáp ứng nhu cầu giáo dục học sinh hiện nay.

1. Thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	33/33	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	33	1,35
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhò, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8 188,26	6,34
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2 793,26	2,16
VI	Tổng diện tích các phòng		Số m²/lớp
1	Diện tích phòng học (m ²)	1 587,3	0,92
2	Diện tích thư viện (m ²)	118,95	3.05
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	517,15	13.26
4	Diện tích phòng học mỹ thuật (m ²)	72,80	1.86
	Diện tích phòng học âm nhạc (m ²)	64,35	1.65
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	71,50	1.83
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	144,30	3.7
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	96,20	2.47
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30,55	0.78

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30	30/44
1.1	Khối lớp 1	06	
1.2	Khối lớp 2	06	
1.3	Khối lớp 3		
1.4	Khối lớp 4		
1.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	70	8.88
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu projector	9	1.0
5	Bảng tương tác	24	

	Nội dung	Số lượng(m²)
X	Nhà bếp	232,2
XI	Nhà ăn	517,15

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	10		16		0,24

STT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

LỚP 1:

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Tên Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái – Đỗ Tiến Đạt	Cánh diều	Đại học Sư phạm
3	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan – Trần Thành Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng – Nguyễn Thị Thấn	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
5	Mĩ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên	Chân trời sáng tạo -bản 2	Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn	Cánh diều	Đại học Sư phạm TP HCM
7	Giáo dục Thể chất 1	Đặng Ngọc Quang	Cánh diều	Đại học Sư phạm TP HCM
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Vũ Quang Tuyên – Nguyễn Hữu Tâm	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Trần Cao Bội Ngọc	Family and Friends	Giáo dục Việt Nam

LỚP 2

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Tên Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn	Kết nối tri thức với cuộc sống	

		Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê thị Tuyết Mai	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ Biên), Lương Thanh Khiết, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên); Phạm Đông Đức (Chủ biên), Nguyễn Duy Linh, Phạm Tràng Kha.	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên, Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yến Ngọc,	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.		
9	Tiếng Anh 2	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	Family and Friends-National Edition	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

LỚP 3

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Tên Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm, Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Lê Hằng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 3	PGS.TS Lê Khắc Thành (Chủ biên); Nguyễn Tân Ân, Ngô Thị Tú Quyên, Trình Đình Thắng, Nguyễn Thị Thuần	Bình Minh	Nhà xuất bản Đại học Vinh

6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
8	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận, Võ Thị Nguyên.	Chân trời sáng tạo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục Thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên); Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên); Nguyễn Thành Long; Phạm Đức Toàn ; Vũ Thị Mai Phương	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên); Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương Liên; Trần Thị Tố Oanh	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	Family and Friends-National Edition	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

LỚP 4:

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Tên Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	<i>Bùi Mạnh Hùng</i> (Tổng Chủ biên) <i>Trần Thị Hiền Lương</i> (Chủ biên) <i>Vũ Thị Thanh Hương- Vũ Thị Lan- Trần Kim</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

		<i>Phượng- Đặng Thị Hảo Tâm</i>		
2	Toán	<i>Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) Lê Anh Vinh (Chủ biên) Nguyễn Ánh- Vũ Văn Dương. Nguyễn Minh Hải- Hoàng Quế Hương- Bùi Bá Mạnh</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	<i>-Nguyễn Thị Toàn (Tổng Chủ biên) -Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Ngọc Dung</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	<i>-Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử) -Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử) -Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử) -Đào Thị Hồng - Lê Thị Thu Hương -Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí) Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí) Đặng Tiên Dung – Đoàn Thị Thanh Phương</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	<i>Phó Đức Hoà (Tổng Chủ biên) – Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên) - Lê Thị Thu Huyền - Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân</i>	Chân trời sáng tạo (Bản 1)	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

		<i>Nguyễn Hữu Tâm - Nguyễn Huyền Trang (Tái bản lần thứ nhất)</i>		
6	Mĩ thuật	<i>Hoàng Minh Phúc (Tổng Chủ biên) Nguyễn Thị Mai (Chủ biên). Đỗ Viết Hoàng – Trần Đoàn Thanh Ngọc – Trần Thị Tuyết Nhung</i>	Chân trời sáng tạo (Bản 2)	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
7	Tin học	<i>Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) Hoàng Thị Mai (Chủ biên) Phan Anh - Nguyễn Thu Hiền Nguyễn Bá Tuấn - Hà Đặng Cao Tùng</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc	<i>Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên) Tạ Hoàng Mai Anh- Nguyễn Thị Quỳnh Mai</i>	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
9	Công nghệ	<i>-Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) -Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) -Đồng Huy Giới - Dương Giáng Thiên Hương Bùi Thị Thu Hương - Nguyễn Bích Thảo</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất	<i>Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên) Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh</i>	Cánh diều	Nhà xuất bản đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh

11	Khoa học	<i>Vũ Văn Hùng</i> (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên) <i>Phan Thanh Hà</i> (đồng chủ biên) <i>Nguyễn Thị Thanh Chi- Ngô Diệu Nga- Đào Thị Sen- Triệu Anh Trung</i>	Kết nối tri thức	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
12	Anh văn	<i>Trần Cao Bội Ngọc</i> (Chủ biên) <i>Trương Văn Ánh</i> (Tác giả)	Family and Friends 4 National Edition	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

LỚP 5

TT	Tên sách	Tác giả (chủ biên)	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5	Hà Huy Khoái	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang Đào Ngọc Hùng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 5	Đinh Quang Ngọc	Cánh diều	NXB Đại học Sư Phạm
8	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn	Cánh diều	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
9	Tiếng Anh 5	Trần Cao Bội Ngọc	Family and Friends	NXB Giáo dục Việt Nam

10	Mĩ thuật 5	Hoàng Minh Phúc	Chân trời sáng tạo (Bản 2)	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 5	Nguyễn Chí Công	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

+ Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kiểm định chất lượng:

+ Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công nhận trường Tiểu học Chánh Nghĩa đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Quyết định số 1606/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Dầu Một về việc công nhận trường Tiểu học Chánh Nghĩa đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Số liệu chung

Năm học 2024 - 2025:

Khối lớp	TS lớp	TSHS	Nữ	02 buổi/ ngày	Bình quân HS/lớp	Dân tộc/nữ	Khuyết tật/nữ	HS khó khăn
Một	6	212	109	212	35.3	22/13	2/0	23/11
Hai	6	193	83	193	32.2	28/7	0	11/6
Ba	6	212	104	212	35.3	27/11	0	25/11
Bốn	6	235	106	235	39,2	18/10	1/0	14/6
Năm	7	243	113	243	34,7	27/19	0	19/8
Tổng	31	1095	515	1095	35.3	122/60	3/0	93/37

2. Kết quả học sinh

	Tổng số học sinh		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
I. Kết quả học tập												
1. Tiếng Việt	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	704	64.3	130	61.3	116	60.1	137	64.6	141	60.0	180	74.1
Hoàn thành	384	35.1	77	36.3	76	39.4	75	35.4	93	39.6	63	25.9
Chưa hoàn thành	7	0.6	5	2.4	1	0.5	0	0.0	1	0.4	0	0.0
2. Toán	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	691	63.1	134	63.2	115	59.6	131	61.8	143	60.9	168	69.1
Hoàn thành	398	36.3	74	34.9	77	39.9	81	38.2	91	38.7	75	30.9
Chưa hoàn thành	6	0.5	4	1.9	1	0.5	0	0.0	1	0.4	0	0.0
3. Khoa học	478		0		0		0		235		243	
Hoàn thành tốt	351	73.4							160	68.1	191	78.6
Hoàn thành	126	26.4							74	31.5	52	21.4
Chưa hoàn thành	1	0.2							1	0.4	0	0.0
4. Lịch sử và Địa lí	478		0		0		0		235		243	
Hoàn thành tốt	331	69.2							145	61.7	186	76.5
Hoàn thành	146	30.5							89	37.9	57	23.5
Chưa hoàn thành	1	0.2							1	0.4	0	0.0
5. Ngoại ngữ 1	405		212		193		0		0		0	
Hoàn thành tốt	168	41.5	76	35.8	92	47.7	0		0		0	
Hoàn thành	236	58.3	135	63.7	101	52.3	0		0		0	
Chưa hoàn thành	1	0.2	1	0.5	0	0.0	0		0		0	
6. Ngoại ngữ 2	690		0		0		212		235		243	
Hoàn thành tốt	342	49.6					94	44.3	121	51.5	127	52.3
Hoàn thành	347	50.3					118	55.7	113	48.1	116	47.7
Chưa hoàn thành	1	0.1					0	0.0	1	0.4	0	0.0
7. Đạo đức	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	754	68.9	140	66.0	126	65.3	140	66.0	160	68.1	188	77.4
Hoàn thành	340	31.1	71	33.5	67	34.7	72	34.0	75	31.9	55	22.6
Chưa hoàn thành	1	0.1	1	0.5	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
8. Tự nhiên và Xã hội	617		212		193		212		0		0	
Hoàn thành tốt	382	61.9	125	59.0	122	63.2	135	63.7				
Hoàn thành	234	37.9	86	40.6	71	36.8	77	36.3				
Chưa hoàn thành	1	0.2	1	0.5	0	0.0	0	0.0				
9. Âm nhạc	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	681	62.2	139	65.6	127	65.8	144	67.9	130	55.3	141	58.0
Hoàn thành	411	37.5	72	34.0	66	34.2	67	31.6	104	44.3	102	42.0
Chưa hoàn thành	3	0.3	1	0.5	0	0.0	1	0.5	1	0.4	0	0.0
10. Mỹ thuật	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	692	63.2	126	59.4	123	63.7	142	67.0	153	65.1	148	60.9
Hoàn thành	401	36.6	85	40.1	70	36.3	69	32.5	82	34.9	95	39.1
Chưa hoàn thành	2	0.2	1	0.5	0	0.0	1	0.5	0	0.0	0	0.0

11. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	690		0		0		212		235		243	
Hoàn thành tốt	450	65.2					150	70.8	149	63.4	151	62.1
Hoàn thành	240	34.8					62	29.2	86	36.6	92	37.9
Chưa hoàn thành	0	0.0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
12. Tin học và Công nghệ (Tin học)	690		0		0		212		235		243	
Hoàn thành tốt	377	54.6					133	62.7	121	51.5	123	50.6
Hoàn thành	313	45.4					79	37.3	114	48.5	120	49.4
Chưa hoàn thành	0	0.0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
13. Giáo dục thể chất	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	776	70.9	122	57.5	110	57.0	127	59.9	191	81.3	226	93.0
Hoàn thành	318	29.0	89	42.0	83	43.0	85	40.1	44	18.7	17	7.0
Chưa hoàn thành	1	0.1	1	0.5	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
14. Hoạt động trải nghiệm	1095		212		193		212		235		243	
Hoàn thành tốt	746	68.1	130	61.3	128	66.3	150	70.8	161	68.5	177	72.8
Hoàn thành	348	31.8	81	38.2	65	33.7	62	29.2	74	31.5	66	27.2
Chưa hoàn thành	1	0.1	1	0.5	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
II. Năng lực cốt lõi												
1. Tự chủ và tự học	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	778	71.1	138	65.1	126	65.3	161	75.9	173	73.6	180	74.1
Đạt	317	28.9	74	34.9	67	34.7	51	24.1	62	26.4	63	25.9
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2. Giao tiếp và hợp tác	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	782	71.4	137	64.6	137	71.0	151	71.2	173	73.6	184	75.7
Đạt	313	28.6	75	35.4	56	29.0	61	28.8	62	26.4	59	24.3
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3. GQVĐ và sáng tạo	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	711	64.9	118	55.7	117	60.6	136	64.2	171	72.8	169	69.5
Đạt	384	35.1	94	44.3	76	39.4	76	35.8	64	27.2	74	30.5
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
4. Ngôn ngữ	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	783	71.5	128	60.4	130	67.4	163	76.9	173	73.6	189	77.8
Đạt	312	28.5	84	39.6	63	32.6	49	23.1	62	26.4	54	22.2
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
5. Tính toán	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	749	68.4	126	59.4	133	68.9	145	68.4	170	72.3	175	72.0
Đạt	346	31.6	86	40.6	60	31.1	67	31.6	65	27.7	68	28.0
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
6. Khoa học	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	760	69.4	126	59.4	137	71.0	142	67.0	174	74.0	181	74.5
Đạt	335	30.6	86	40.6	56	29.0	70	33.0	61	26.0	62	25.5
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
7. Công nghệ	690		0		0		212		235		243	

Tốt	485	70.3	0		0		143	67.5	173	73.6	169	69.5
Đạt	205	29.7	0		0		69	32.5	62	26.4	74	30.5
Cần cố gắng	0	0.0	0		0		0	0.0	0	0.0	0	0.0
8. Tin học	690		0		0		212		235		243	
Tốt	482	69.9	0		0		142	67.0	171	72.8	169	69.5
Đạt	208	30.1	0		0		70	33.0	64	27.2	74	30.5
Cần cố gắng	0	0.0	0		0		0	0.0	0	0.0	0	0.0
9. Thẩm mĩ	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	782	71.4	128	60.4	147	76.2	149	70.3	174	74.0	184	75.7
Đạt	313	28.6	84	39.6	46	23.8	63	29.7	61	26.0	59	24.3
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
10. Thể chất	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	856	78.2	142	67.0	150	77.7	174	82.1	183	77.9	207	85.2
Đạt	239	21.8	70	33.0	43	22.3	38	17.9	52	22.1	36	14.8
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
III. Phẩm chất chủ yếu												
1. Yêu nước	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	1010	92.2	203	95.8	175	90.7	205	96.7	213	90.6	214	88.1
Đạt	85	7.8	9	4.2	18	9.3	7	3.3	22	9.4	29	11.9
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2. Nhân ái	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	933	85.2	178	84.0	171	88.6	183	86.3	199	84.7	202	83.1
Đạt	162	14.8	34	16.0	22	11.4	29	13.7	36	15.3	41	16.9
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3. Chăm chỉ	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	772	70.5	132	62.3	130	67.4	142	67.0	186	79.1	182	74.9
Đạt	323	29.5	80	37.7	63	32.6	70	33.0	49	20.9	61	25.1
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
4. Trung thực	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	851	77.7	149	70.3	160	82.9	168	79.2	185	78.7	189	77.8
Đạt	244	22.3	63	29.7	33	17.1	44	20.8	50	21.3	54	22.2
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
5. Trách nhiệm	1095		212		193		212		235		243	
Tốt	795	72.6	130	61.3	143	74.1	157	74.1	183	77.9	182	74.9
Đạt	300	27.4	82	38.7	50	25.9	55	25.9	52	22.1	61	25.1
Cần cố gắng	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
IV. Đánh giá KQHT	1095		212		193		212		235		243	
- Hoàn thành xuất sắc	416	38.0	89	42.0	83	43.0	76	35.8	87	37.0	81	33.3
- Hoàn thành tốt	9	0.8	0	0.0	0	0.0	6	2.8	3	1.3	0	0.0
- Hoàn thành	662	60.5	118	55.7	109	56.5	129	60.8	144	61.3	162	66.7
- Chưa hoàn thành	8	0.7	5	2.4	1	0.5	1	0.5	1	0.4	0	0.0
V. Khen thưởng	425		89		83		82		90		81	
- Giấy khen cấp trường	425	38.8	89	42.0	83	43.0	82	38.7	90	38.3	81	33.3
- Giấy khen cấp trên	0		0		0		0		0		0	
VI. HS bỏ học	0		0		0		0		0		0	

+ Hoàn cảnh GĐKK	0		0		0		0		0		0	
+ KK trong học tập	0		0		0		0		0		0	
+ Xa trường, đi lại K.khẩn	0		0		0		0		0		0	
+ Thiên tai, dịch bệnh	0		0		0		0		0		0	
+ Nguyên nhân khác	0		0		0		0		0		0	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

(Đính kèm kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách năm học 2024-2025)

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác

(Đính kèm biểu số 01)

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

(Đính kèm biểu số 02)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Nhà trường đã ban hành kế hoạch giáo dục số 246/KH-THCN ngày 18/09/2024; kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo hướng chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học.

- Căn cứ Kế hoạch số 257/KH-THCN ngày 23/9/2024 của trường Tiểu học

Chánh Nghĩa về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025.

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 lớp 4 và lớp 5 theo các văn bản hướng dẫn

- Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống; tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực học sinh.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm khác

2.1. Các hoạt động về chuyên môn Đẩy mạnh các hoạt động phong trào thi đua trong “Dạy – Học”, đặc biệt là các phong trào mũi nhọn, đội ngũ giáo viên nhiệt tình trách nhiệm với học sinh để có giải pháp động viên, bồi dưỡng đội tuyển một cách khoa học, hiệu quả giúp học sinh thể hiện được hết trí tuệ, khả năng của mình. Kết quả thực hiện các phong trào của giáo viên:

- Giáo viên tham gia dự thi giáo viên giỏi các cấp: có 26 giáo viên đạt cấp trường, 05 giáo viên đạt cấp thành phố; 1 giáo viên đạt giáo viên giỏi cụm miền đông Nam bộ.

- Kết quả sáng kiến kinh nghiệm đạt 10 sáng kiến công nhận cấp Thành phố

- Giáo viên tham gia các hội thi: Xây dựng clip tuyên truyền chống rác thải nhựa; cuộc thi xây dựng cổng trường học “xanh, sạch, đẹp, an toàn giao thông và trật tự đô thị”, trường học “xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện”; xây dựng clip tuyên truyền về người công dân 05 gương mẫu đạt giải Khuyến khích.

- Dự thi tìm hiểu pháp luật trên Internet đạt 1 Ba và 1 giải Khuyến khích.

- Giáo viên tham gia thiết kế giáo án điện tử có 01 bài giảng được công nhận.

- Cuộc thi xây dựng cổng trường học “xanh, sạch, đẹp, an toàn giao thông và trật tự đô thị”, trường học “xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện” đạt giải Ba cấp thành phố.

- Tham gia hội thi sản phẩm sáng tạo do phường Chánh Nghĩa tổ chức đạt giải Nhất.

2.2. Học sinh tham gia dự thi phong trào các cấp:

- Tham gia dự thi IOE các cấp đạt 03 giải Khuyến khích cấp thành phố; 02 giải Ba và 02 giải Khuyến khích cấp tỉnh; 07 học sinh được công nhận cấp Quốc gia.

- Tham gia dự thi VioEdu 09 học sinh được công nhận cấp thành phố; cấp tỉnh đạt 07 giải (01 vàng, 01 bạc, 01 đồng, 04 khuyến khích).

- Tham gia dự thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp thành phố công nhận 17 em. Cấp tỉnh đạt 09 học sinh (01 giải Ba, 03 giải Nhì, 05 giải Khuyến khích)

- Tham gia dự thi Tin học trẻ đạt giải Khuyến khích cấp thành phố.

- Tham gia hội thi sản phẩm sáng tạo do Hội đồng đội tổ chức giải Nhất cấp thành phố, giải Nhất cấp tỉnh.

2.3. Thành tích cuối năm học 2024-2025 của nhà trường:

- Đơn vị đạt hạng tư thi đua cụm và được đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen.
- Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Liên Đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được nhận bằng khen của tỉnh đoàn

Nơi nhận:

- Chi bộ; HĐT;
- BCH Công đoàn;
- Các thành viên BCĐ;
- Website trường THCN;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Xuân